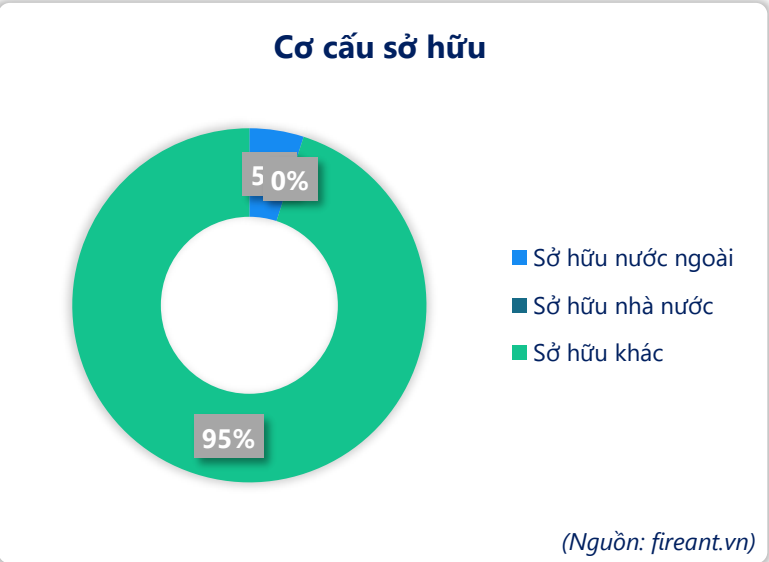
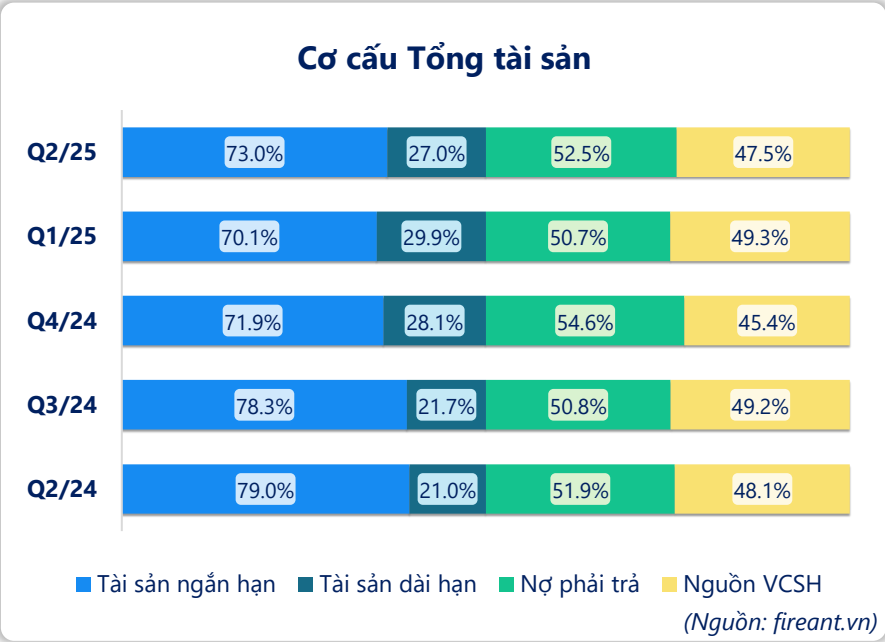
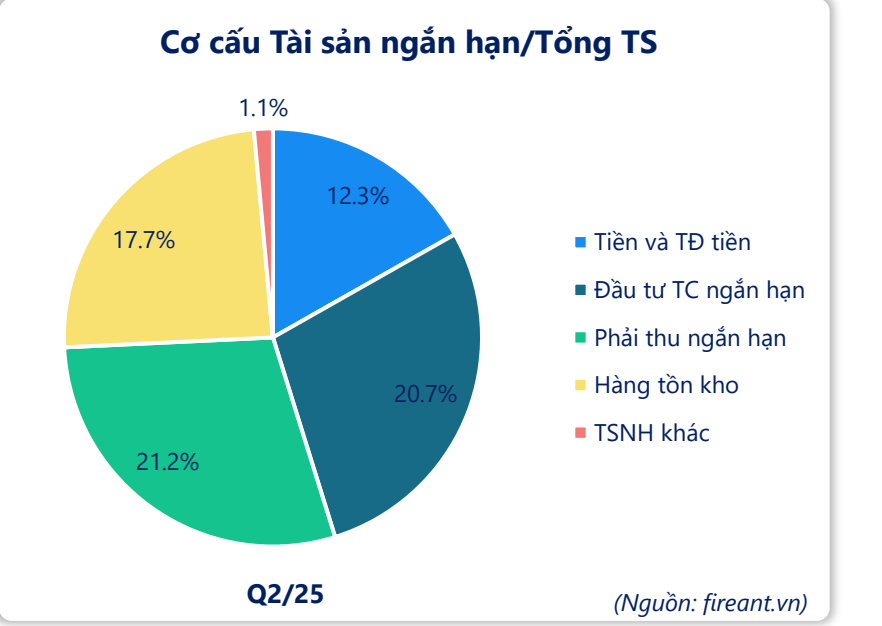
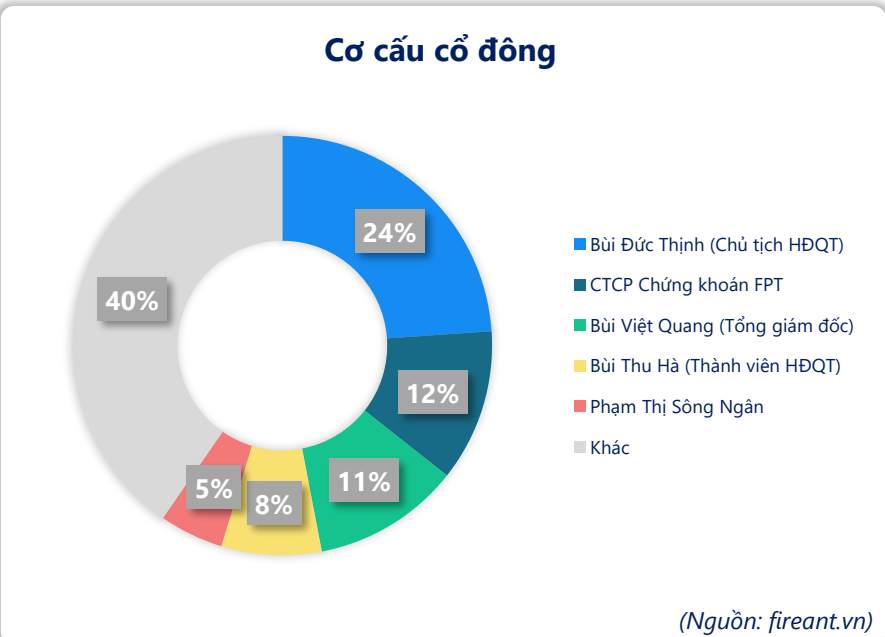
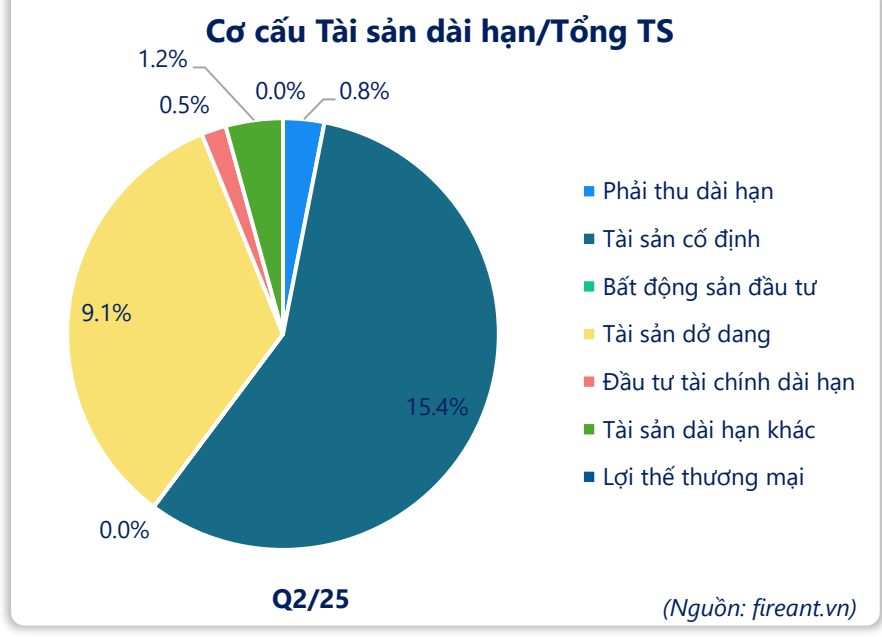
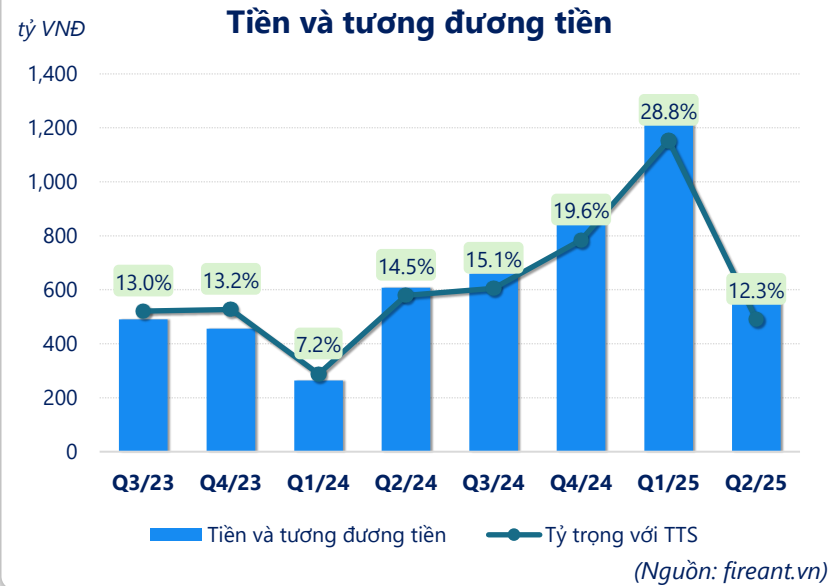
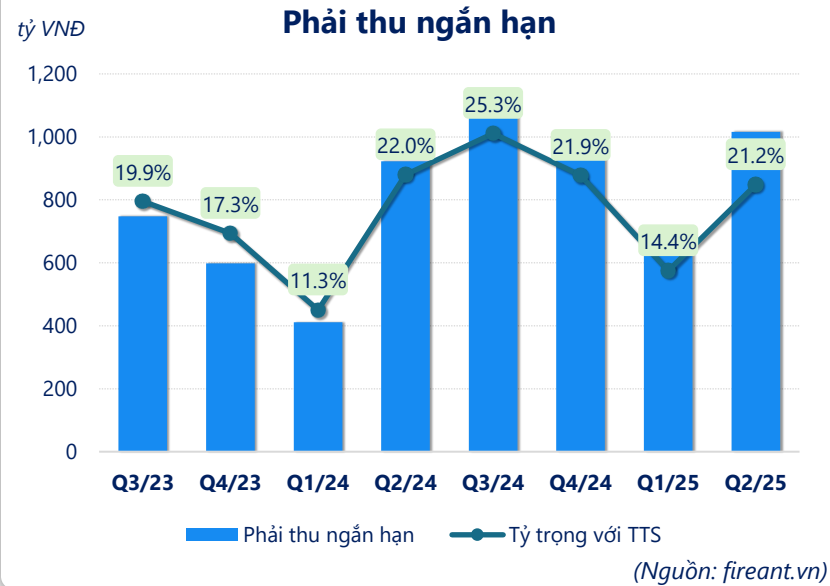
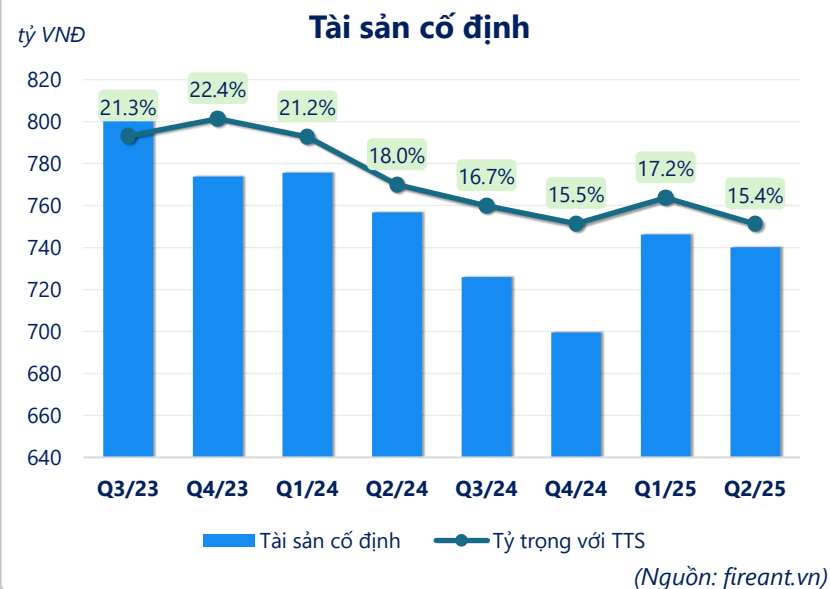
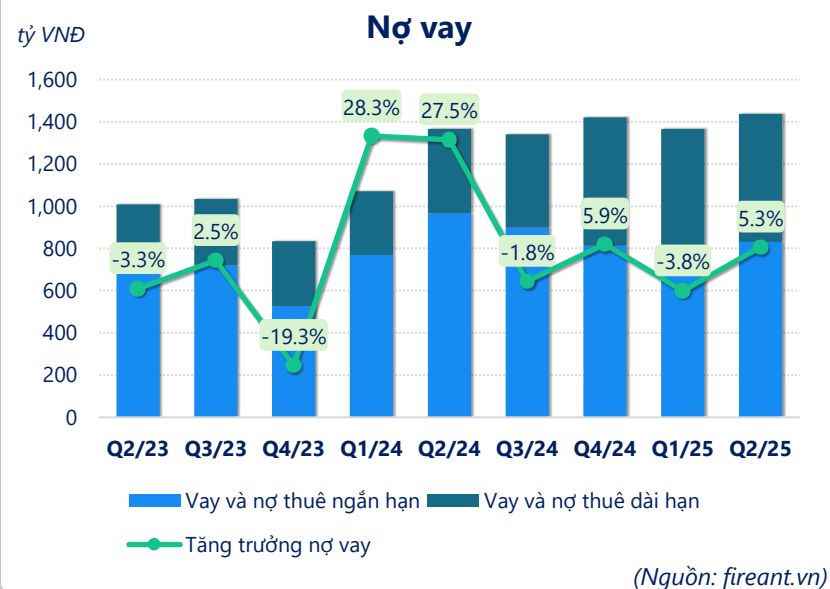
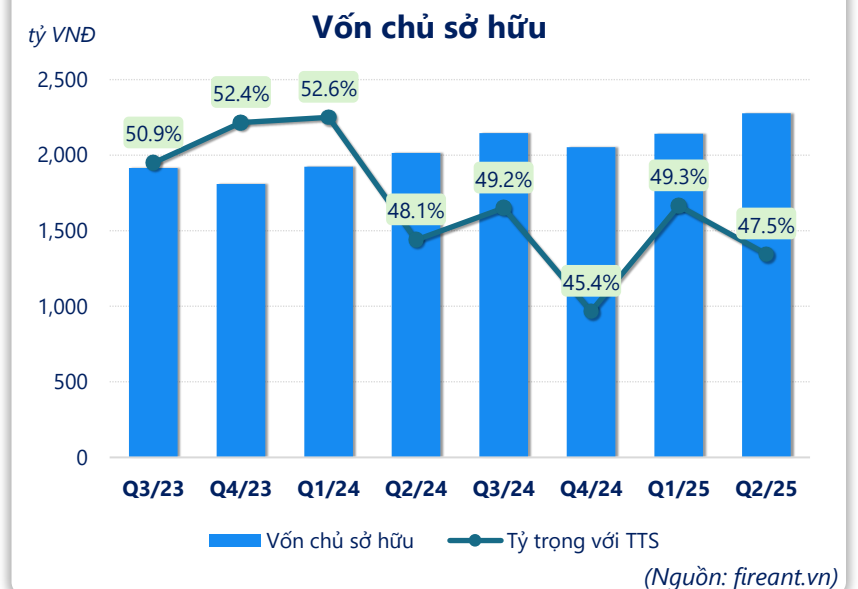
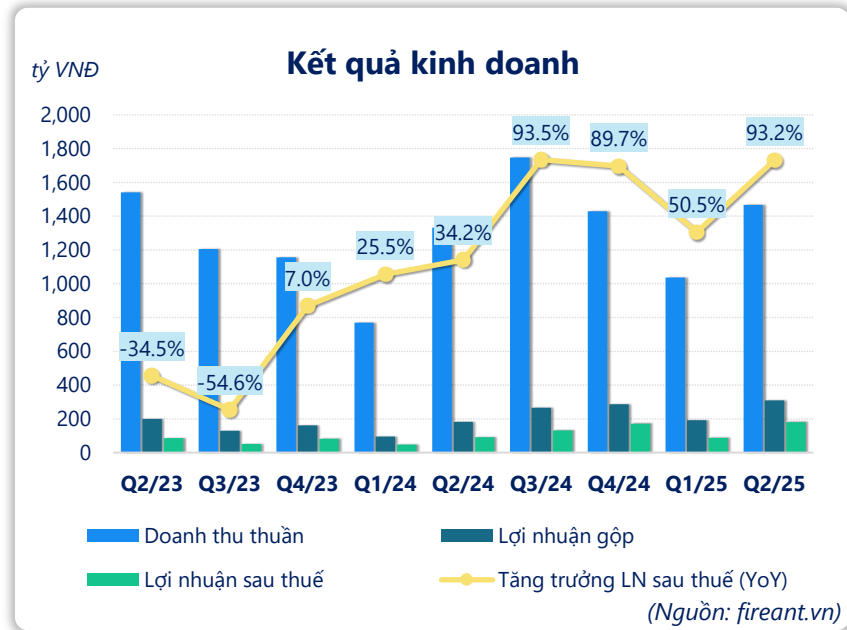
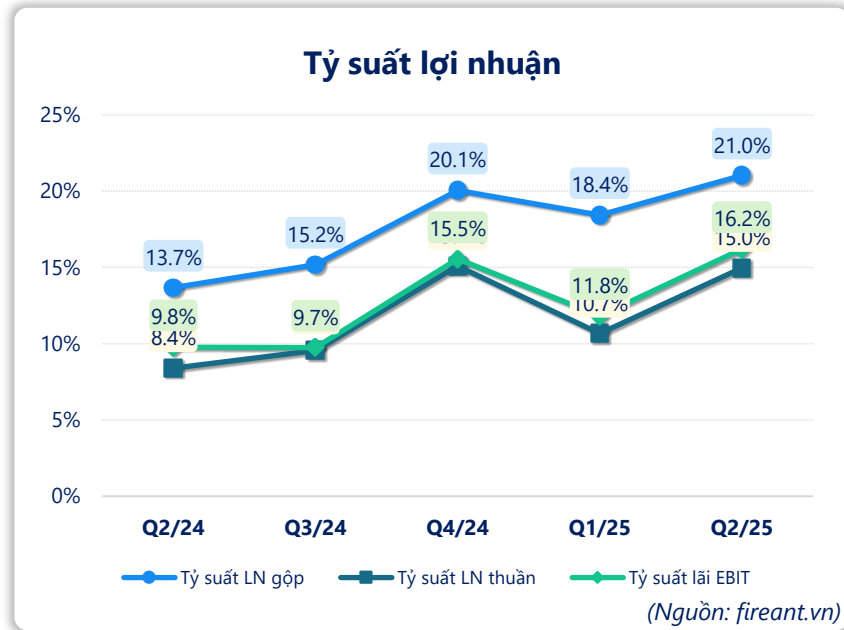
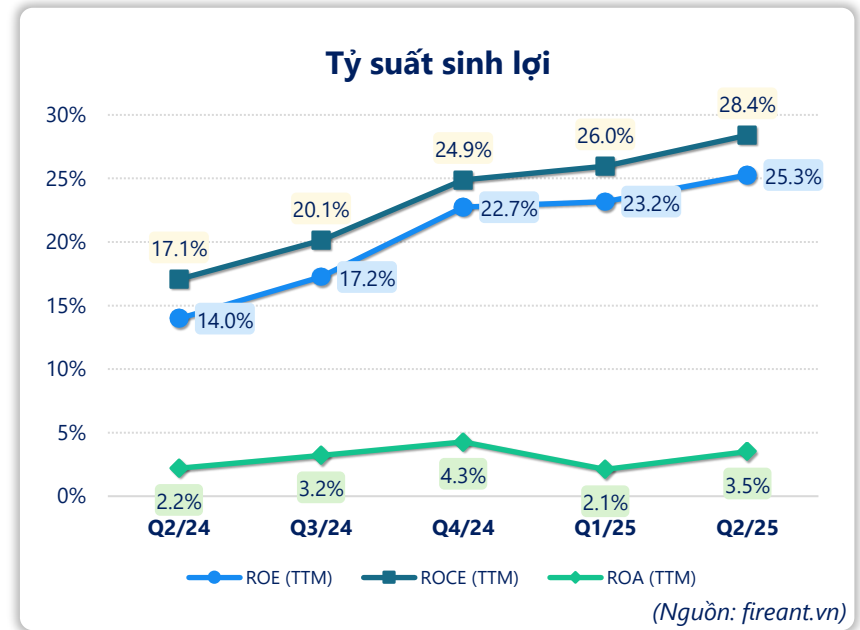
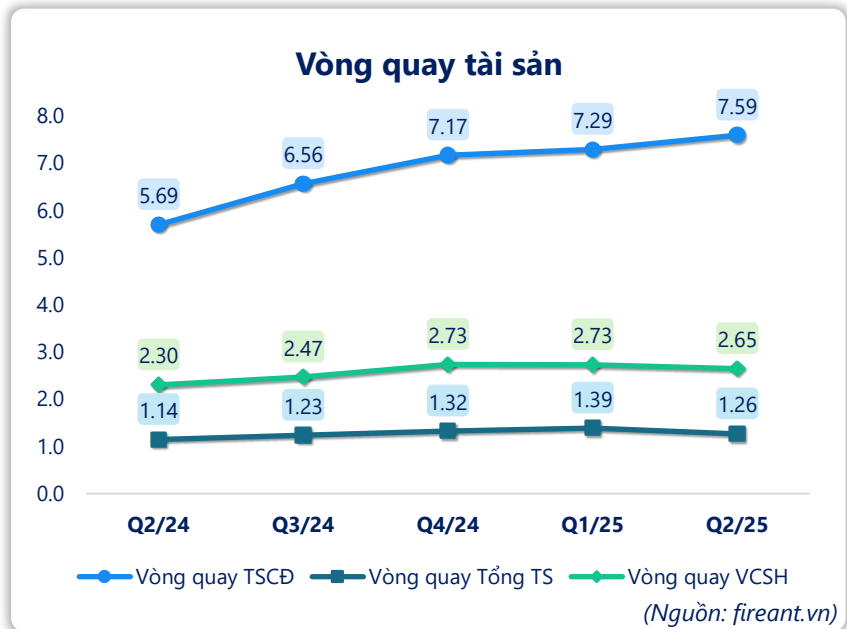
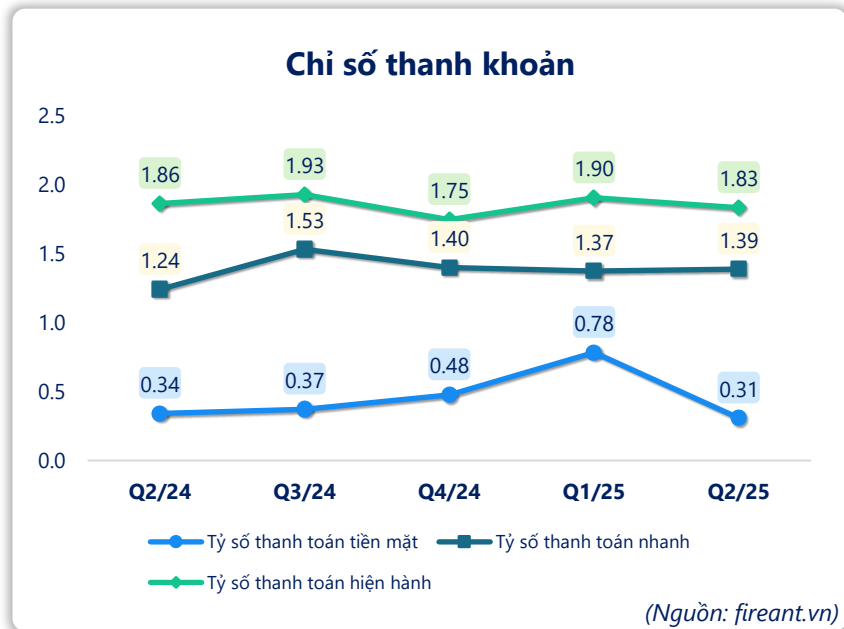
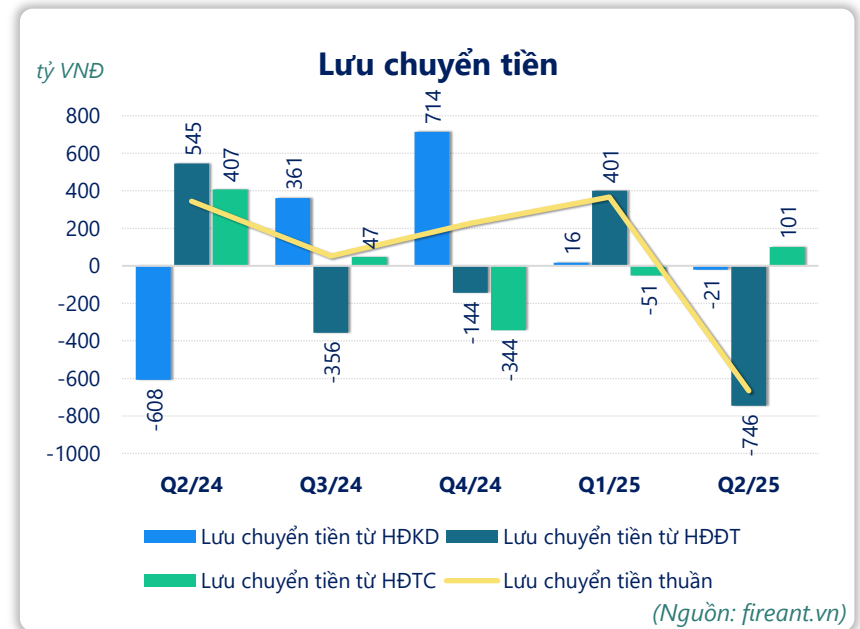


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,250
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		41,133
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,167
SL cổ phiếu LH		112,521,020
KLGD BQ 20 phiên (CP)		219,965
% sở hữu nước ngoài		5.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,191
P/E		7.7
EPS		4,821

	YTD	1T	3T	6T
MSH	8.3%	0.9%	-6.3%	5.8%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,791	4,523	5.9%
Tài sản ngắn hạn	3,496	3,250	7.6%
Tiền và tương đương tiền	587	886	-33.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	993	653	52.0%
Phải thu ngắn hạn	1,016	992	2.4%
Hàng tồn kho	849	645	31.6%
Tài sản ngắn hạn khác	51.0	73.1	-30.3%
Tài sản dài hạn	1,295	1,274	1.7%
Phải thu dài hạn	40.0	40.0	0.0%
Tài sản cố định	740	700	5.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	436	473	-8.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	24.0	34.5	-30.2%
Tài sản dài hạn khác	55.5	26.2	111%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,513	2,468	1.9%
Nợ ngắn hạn	1,907	1,860	2.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	831	813	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	170	193	-11.7%
Nợ dài hạn	607	608	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	607	608	-0.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,277	2,056	10.8%
Vốn chủ sở hữu	2,277	2,056	10.8%
Vốn điều lệ	1,125	750	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,333	1,748	1,428	1,036	1,467
Giá vốn hàng bán	1,151	1,483	1,142	845	1,158
Lợi nhuận gộp	182	266	286	191	308
Doanh thu HĐTC	59.6	43.0	63.4	43.3	72.1
Chi phí TC	19.3	33.3	21.8	21.7	24.3
Chi phí lãi vay	18.6	11.3	13.6	13.7	19.1
LN trong công ty LKLD	0	-4.28	-4.62	-4.76	-5.67
Chi phí bán hàng	36.2	43.3	33.3	25.0	45.2
Chi phí QLDN	74.4	60.5	74.5	72.5	85.8
LN thuần từ HĐKD	112	167	216	110	220
Lợi nhuận khác	-0.30	-8.13	-7.12	-1.62	-1.06
LN trước thuế	112	159	208	109	219
Lợi nhuận sau thuế	91.7	130	170	87.2	180
LNST của CĐ cty mẹ	86.4	130	170	84.4	158

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-608	361	714	16.5	-20.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	545	-356	-144	401	-746
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	407	47.4	-344	-51.1	101
Tiền đầu kỳ	263	607	660	886	1,253
Lưu chuyển tiền thuần	344	52.4	226	367	-666
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.03	-0.35	0.47	-0.18	0.16
Tiền cuối kỳ	607	660	886	1,253	587

(Nguồn: fireant.vn)